

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/LĐ-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Thanh Nhàn;
- Ông Lê Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 30/2025/TLST-LĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-LĐ ngày 26 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1987 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố Lò Õ, phường A, thành phố B, tỉnh B (nay là phường T, Tp.H).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn F

Địa chỉ: Thửa số 41, tờ bản đồ số 44, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh B (nay là phường L, Tp.H).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo hiểm Xã hội thành phố B (nay là Bảo hiểm Xã hội cơ sở B) (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thành phố B, tỉnh B (nay là khu phố M, phường B, Tp.H).

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1994 (có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, thị xã T, tỉnh T (nay là xã P, tỉnh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C trình bày:

Trước đây, bà Nguyễn Thị Thanh C có cho bà Nguyễn Thị Tuyết M (chị họ) mượn hồ sơ cá nhân để xin việc tại Công ty TNHH FVN từ tháng 12/2006 đến tháng 10/2007, mã số bảo hiểm xã hội là 9106218453 và đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo Quyết định số 9100021717 ngày 13/5/2010, số tiền 1.584.000 đồng.

Do thời điểm này bà Nguyễn Thị Tuyết M có khó khăn nên bà Nguyễn Thị Thanh C đồng ý cho bà M mượn hồ sơ làm việc tại Công ty này từ tháng 12/2006 đến tháng 10/2007.

Trong thời gian bà M đi làm thì Công ty đã ký kết Hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội cho bà M, nhưng trên danh nghĩa là đóng bảo hiểm cho bà C với mã số bảo hiểm xã hội là 910621853.

Trên thực tế, bà C đã đi làm tại Công ty TNHH M từ tháng 9/2005 đến tháng 3/2008, với số sổ là 9105116382. Ngoài ra, bà C còn đi làm tại Công ty TNHH T (Việt Nam) từ tháng 8/2008 đến tháng 8/2011, Công ty TNHH FTN VN từ tháng 7/2012 đến tháng 01/2014 và Công ty TNHH Topone Việt Nam từ tháng 8/2014 đến tháng 7/2023 với số sổ 7412201903.

Đến ngày 16/01/2025, theo Biên bản làm việc về xác minh hồ sơ cá nhân tham gia bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm Xã hội thành phố B thì bà C được biết quá trình bị trùng giữa hai mã số bảo hiểm xã hội mã số 9106218453 và 9105116382 từ tháng 12/2006 đến tháng 10/2007. Phía Bảo hiểm xã hội đã hướng dẫn bà C khởi kiện đến Tòa án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Tuyết M và Công ty TNHH FVN.

- Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội bị trùng từ Tháng 12/2006 đến Tháng 10/2007 theo sổ bảo hiểm xã hội số 9106218453 cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết M và Công ty TNHH FVN.

**** Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 19/9/2025, bà Nguyễn Thị Thanh C trình bày:***

Bà giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu khởi kiện. Bà tự nguyện rút lại yêu cầu về hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội bị trùng từ tháng 12/2006 đến

tháng 10/2007 theo sổ bảo hiểm xã hội số 9106218453 cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết M và Công ty TNHH FVN.

Bà chỉ yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Tuyết M và Công ty TNHH F VN, và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Phía nguyên đơn cũng xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Bà tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn Công ty TNHH F:

Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần, nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty không có ý kiến hay văn bản gì trả lời.

Tòa án cũng tiến hành đăng báo công khai các thông tin liên quan để bị đơn được biết.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bảo hiểm Xã hội thành phố B, tỉnh B (nay là Bảo hiểm Xã hội cơ sở B) trình bày tại Công văn số 193/CV-BHXH ngày 20/5/2025 như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1987, số CCCD 089187021932, đã tham gia đóng BHXH tại Công ty/ doanh nghiệp, thời gian cụ thể như sau:

Số sổ 7408232399 của bà Nguyễn Thị Thanh C theo Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh C (đứng tên hợp đồng là bà Nguyễn Thị Thanh C) với Công ty TNHH T (Việt Nam) có quá trình tham gia từ tháng 8/2008 đến tháng 8/2011, số sổ 7408232399 đã hưởng trợ cấp BHXH 1 lần theo Quyết định số 021206401 ngày 17/9/2012 số tiền 6.654.681 đồng, đã hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp số 37974 ngày 22/9/2011, số tháng hưởng 3 tháng số tiền 909.500 đồng/ tháng.

Số sổ 7412201903 của bà Nguyễn Thị Thanh C theo Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh C (đứng tên hợp đồng là bà Nguyễn Thị Thanh C) với Công ty TNHH FTN VN từ tháng 7/2012 đến tháng 01/2014 và Công ty TNHH Topone Việt Nam từ tháng 8/2014 đến tháng 7/2023, số sổ 7412201903 đã hưởng trợ cấp BHXH 1 lần theo Quyết định số 021501179 ngày 18/3/2015 số tiền 8.088.156 đồng; đã hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp số 10446 ngày 08/4/2014, số tháng hưởng 03 tháng số tiền 1.863.200 đồng/ tháng, đã hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp số 80245 ngày 27/10/2023, số tháng hưởng 07 tháng số tiền 3.120.200 đồng/ tháng.

Số sổ 9105116382 của bà Nguyễn Thị Thanh C theo Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh C (đứng tên ký hợp đồng là bà Nguyễn Thị Thanh C) với Công ty TNHH M từ tháng 9/2005 đến tháng 3/2008, số sổ 9105116382 đã hưởng trợ cấp BHXH 1 lần theo Quyết định số 1738 ngày 21/4/2009 số tiền 4.362.835 đồng.

Số sổ 9106218453 của bà Nguyễn Thị Tuyết M (thực tế lấy tên bà Nguyễn Thị Thanh C) được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh C (đứng tên ký hợp đồng là bà Nguyễn Thị Tuyết M) với Công ty TNHH F VN từ tháng

12/2006 đến tháng 10/2007, số sổ 9106218453 và đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội 1 lần theo Quyết định số 9100021717 ngày 13/5/2010 số tiền 1.584.000 đồng.

Căn cứ vào báo cáo tình hình sử dụng lao động và danh sách tham gia BHXH, BHYT, BHTN (mẫu D02-LT) do Công ty ký số gửi Cơ quan BHXH xử lý và ghi nhận quá trình tham gia BHXH của người lao động, Cơ quan BHXH không lưu trữ hồ sơ cá nhân của người lao động. Hồ sơ do phía Công ty lưu trữ.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, BHXH không có ý kiến gì và đề nghị được vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Bà Nguyễn Thị Tuyết M đồng ý với toàn bộ với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh C thể hiện tại Đơn khởi kiện.

Bà M cũng xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng:

Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Xét các đương sự đã có ý kiến trình bày đầy đủ và đã xin giải quyết vắng mặt, nên đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C.

Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C đã tự nguyện rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

- Về quan hệ pháp luật:

Theo Thông báo thụ lý vụ án số 30/TB-TLVA ngày 02/4/2025 của TAND thành phố B, tỉnh B (nay là TAND khu vực 18 – Tp.HCM) đã xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp về Hợp đồng lao động” là chưa chính xác, nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là: “Tranh chấp về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”.

[2]. Về nội dung vụ án:

Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động tên Nguyễn Thị Thanh C thể hiện như sau:

Số sổ 7408232399 của bà Nguyễn Thị Thanh C theo Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh C (đứng tên hợp đồng là bà Nguyễn Thị Thanh C) với Công ty TNHH T (Việt Nam) có quá trình tham gia từ tháng 8/2008 đến tháng 8/2011, số sổ 7408232399 đã hưởng trợ cấp BHXH 1 lần theo Quyết định số 021206401 ngày 17/9/2012 số tiền 6.654.681 đồng, đã hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp số 37974 ngày 22/9/2011, số tháng hưởng 3 tháng số tiền 909.500 đồng/ tháng.

Số sổ 7412201903 của bà Nguyễn Thị Thanh C theo Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh C (đứng tên hợp đồng là bà Nguyễn Thị Thanh C) với Công ty TNHH FTN VN từ tháng 7/2012 đến tháng 01/2014 và Công ty TNHH Topone Việt Nam từ tháng 8/2014 đến tháng 7/2023, số sổ 7412201903 đã hưởng trợ cấp BHXH 1 lần theo Quyết định số 021501179 ngày 18/3/2015 số tiền 8.088.156 đồng; đã hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp số 10446 ngày 08/4/2014, số tháng hưởng 03 tháng số tiền 1.863.200 đồng/ tháng, đã hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp số 80245 ngày 27/10/2023, số tháng hưởng 07 tháng số tiền 3.120.200 đồng/ tháng.

Số sổ 9105116382 của bà Nguyễn Thị Thanh C theo Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh C (đứng tên ký hợp đồng là bà Nguyễn Thị Thanh C) với Công ty TNHH M từ tháng 9/2005 đến tháng 3/2008, số sổ 9105116382 đã hưởng trợ cấp BHXH 1 lần theo Quyết định số 1738 ngày 21/4/2009 số tiền 4.362.835 đồng.

Số sổ 9106218453 của bà Nguyễn Thị Tuyết M (thực tế lấy tên bà Nguyễn Thị Thanh C) được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh C (đứng tên ký hợp đồng là bà Nguyễn Thị Tuyết M) với Công ty TNHH F VN từ tháng 12/2006 đến tháng 10/2007, số sổ 9106218453 và đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội 1 lần theo Quyết định số 9100021717 ngày 13/5/2010 số tiền 1.584.000 đồng.

Căn cứ dữ liệu bảo hiểm xã hội và căn cứ vào lời thừa nhận của bà Nguyễn Thị Thanh C và bà Nguyễn Thị Tuyết M, HĐXX xét có căn cứ xác định nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C trên thực tế không tham gia lao động tại Công ty TNHH F VN và không có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội là 9106218453 từ Tháng 12/2006 đến Tháng 10/2007.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C cũng không ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH F VN, mà nguyên đơn đã cho bà Nguyễn Thị Tuyết M mượn chứng minh nhân dân và các thông tin cá nhân để ký hợp đồng lao động với Công ty này.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M cũng thống nhất lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C, thừa nhận đã mượn chứng minh nhân dân và hồ sơ lao động của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F VN và tham gia bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội huyện Bến Cát với mã số bảo hiểm xã hội là 9106218453.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ Tháng 12/2006 đến Tháng 10/2007, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C không có làm việc thực tế tại Công ty TNHH FVN. Việc bà Nguyễn Thị Tuyết M chưa đủ tuổi lao động, sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH FVN là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994.

Do đó, việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thị Tuyết M với Công ty TNHH FVN (quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ Tháng 12/2006 đến Tháng 10/2007) bị vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn.

Xét nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó HĐXX không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người lao động và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

[3]. Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về rút lại yêu cầu về hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội bị trùng từ Tháng 12/2006 đến Tháng 10/2007 theo sổ bảo hiểm xã hội số 9106218453 cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết M và Công ty TNHH FVN. Do vậy, HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4]. Xét các ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, nên được HĐXX chấp nhận.

[5]. Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C tự nguyện nộp toàn bộ, nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 5, 32, 35, 39, 147, 228, 229, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; các Điều 50 và 190 Bộ luật Lao động năm 2019;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

I. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C về yêu cầu về hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội bị trùng từ Tháng 12/2006 đến Tháng 10/2007 theo sổ bảo hiểm xã hội số 9106218453 cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết M và Công ty TNHH FVN.

II. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh C đối với bị đơn Công ty TNHH FVN về việc: “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” như sau:

Tuyên bố Hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị Tuyết M với Công ty TNHH FVN giai đoạn từ Tháng 12/2006 đến Tháng 10/2007 (không rõ số ngày của Hợp đồng lao động) bị vô hiệu.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh C chịu 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND khu vực 18 – Tp.HCM;
- Chi cục THADS khu vực 18 – Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Phước Thành

